

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ
(Kỳ báo cáo: Tháng 04 năm 2026)

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BVS			BVS
2	CEO			CEO
3	CSC			CSC
4	DHT			DHT
5			DP3	DP3
6	DTD			DTD
7	EVS			EVS
8	HUT			HUT
9	IDC			IDC
10			KSV	KSV
11	L14	L14		
12	LAS			LAS
13			LHC	LHC
14	MBS			MBS
15	NTP			NTP
16	PLC			PLC
17	PVB			PVB
18	PVC			PVC
19	PVI			PVI
20	PVS			PVS
21	S99	S99		
22	SHS			SHS
23	SLS			SLS
24			TIG	TIG
25	TNG			TNG
26	VC3			VC3
27	VCS			VCS
28	VGS			VGS

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TPHCM:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ACB			ACB
3	AGG			AGG
4	AGR			AGR
5	ANV			ANV
6	ASM			ASM
7			AST	AST
8	BAF			BAF
9	BCM			BCM
10	BFC			BFC
11	BIC			BIC
12	BID			BID
13	BMC	BMC		
14	BMI	BMI		
15	BMP			BMP
16	BSI			BSI
17	BSR			BSR
18	BVH			BVH
19	BWE			BWE
20	CDC			CDC
21	CII			CII
22	CMG			CMG
23	CNG			CNG
24	CSM			CSM
25	CSV			CSV
26	CTD			CTD
27	CTG			CTG
28	CTI			CTI
29	CTS			CTS
30	CTR			CTR
31	DBC			DBC
32	DBD			DBD

33	DCM			DCM
34	DGC	DGC		
35	DGW			DGW
36	DHA			DHA
37	DHC			DHC
38	DHG			DHG
39	DIG			DIG
40	DPG			DPG
41	DPM			DPM
42	DPR			DPR
43	DRC			DRC
44	DSE			DSE
45	DVP			DVP
46	DXG			DXG
47	DXS			DXS
48	EIB			EIB
49	ELC			ELC
50	EVF			EVF
51	FCN			FCN
52	FMC			FMC
53	FPT			FPT
54	FRT			FRT
55	FTS			FTS
56	GAS			GAS
57	GEE			GEE
58	GEG			GEG
59	GEX			GEX
60	GMD			GMD
61	GVR			GVR
62			HAG	HAG
63	HAH			HAH
64	HAX			HAX
65	HCM			HCM
66	HDB			HDB
67	HDC			HDC
68	HDG			HDG

69	HHS			HHS
70	HHV			HHV
71	HPG			HPG
72	HSG			HSG
73	HT1			HT1
74			HTG	HTG
75	HTN			HTN
76	IDI			IDI
77	IJC			IJC
78	IMP			IMP
79	ITC			ITC
80	KBC			KBC
81	KDC			KDC
82	KDH			KDH
83	KOS			KOS
84	KSB			KSB
85	KHG			KHG
86	LCG			LCG
87	LHG			LHG
88			LIX	LIX
89	LPB			LPB
90	LSS			LSS
91	MBB			MBB
92	MIG			MIG
93	MSB			MSB
94	MSH			MSH
95	MSN			MSN
96	MWG			MWG
97	NAB			NAB
98	NAF			NAF
99	NCT			NCT
100	NKG			NKG
101	NLG			NLG
102			NNC	NNC
103			NT2	NT2
104	NTL			NTL

105			NVL	NVL
106	NHA			NHA
107	NHH			NHH
108	OCB			OCB
109			ORS	ORS
110	PAC			PAC
111	PAN			PAN
112	PCI			PCI
113	PDR			PDR
114	PET			PET
115	PLX			PLX
116	PNJ			PNJ
117	POW			POW
118	PPC			PPC
119	PTB			PTB
120	PVD			PVD
121	PVP			PVP
122	PVT			PVT
123	PHR			PHR
124	REE			REE
125	SAB			SAB
126	SBT			SBT
127	SCR			SCR
128	SCS			SCS
129	SHB			SHB
130	SHI			SHI
131	SIP			SIP
132	SJD			SJD
133	SJS			SJS
134	SKG			SKG
135	SSB			SSB
136	SSI			SSI
137	STB			STB
138	SZC			SZC
139			TAL	TAL
140	TCB			TCB

141	TCL			TCL
142	TCM			TCM
143	TCH			TCH
144	TDM			TDM
145	TIP			TIP
146	TLG			TLG
147	TPB			TPB
148	TTA			TTA
149	TV2			TV2
150	TVS			TVS
151	THG			THG
152			TRA	TRA
153	TRC			TRC
154			VAB	VAB
155	VCB			VCB
156	VCG			VCG
157	VCI			VCI
158	VDS			VDS
159	VGC			VGC
160	VHC			VHC
161	VHM			VHM
162	VIB			VIB
163	VIC			VIC
164	VIP			VIP
165	VIX			VIX
166	VJC			VJC
167	VND			VND
168	VNM			VNM
169			VOS	VOS
170	VPB			VPB
171	VPG	VPG		
172			VPL	VPL
173	VRE			VRE
174	VSC			VSC
175	VTP			VTP
176	YEG			YEG